

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: **181/2019/QĐST-DS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gò Công Đông, ngày 23 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Văn B, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Ấp S, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm: 19xx.
(Văn bản ủy quyền số công chứng 2173. Quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2019 tại Phòng Công chứng H, tỉnh Tiền Giang.)

Địa chỉ: Số 15/4, đường D, khu phố B, phường B1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Lê Văn N, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Văn C, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Ấp N, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Lê Văn B, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Ấp S, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Lê Thị N, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Bà Lê Thị C, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Ấp G, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5/ Ông Lê Văn M, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Ấp S, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6/ Ông Lê Văn T, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Ấp S, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các đương sự thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn Đ, sinh năm: 19xx (chết ngày: xx/xx/20xx) gồm có: Ông Lê Văn B, sinh năm 1937; Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 19xx (chết ngày: xx/xx/20xx).

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ gồm có: Ông Lê Văn B, sinh năm 19xx; Ông Lê Văn N, sinh năm 19xx; Ông Lê Văn C, sinh năm: 19xx; Ông Lê Văn B, sinh năm: 19xx; Bà Lê Thị N, sinh năm: 19xx; Bà Lê Thị C, sinh năm: 19xx, Ông Lê Văn M, sinh năm: 19xx; Ông Lê Văn T, sinh năm: 19xx.

- Các đương sự thống nhất xác định di sản thừa kế của ông Lê Văn Đ để lại gồm có:

+ Thừa đất số 852, tờ bản đồ số 03, diện tích 600 m², mục đích sử dụng đất là trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy số H02914 do UBND huyện G cấp cho ông Lê Văn Đ ngày 08/4/2009.

+ Thừa đất số 853, tờ bản đồ số 03, diện tích 140 m², mục đích sử dụng đất là trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy số H02913 do UBND huyện G cấp cho ông Lê Văn Đ ngày 08/4/2009.

+ Thừa đất số 851, tờ bản đồ số 03, diện tích 1600 m², mục đích sử dụng đất là trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy số H02915 do UBND huyện G cấp cho ông Lê Văn Đ ngày 08/4/2009.

Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tổng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2340 m² (Qua đo đạc thực tế là 2412,3 m²) (Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định).

- Các đồng thừa kế thống nhất để lại toàn bộ di sản thừa kế của ông Lê Văn Đ cho ông Lê Văn B, sinh năm 19xx được toàn quyền quản lý, sử dụng.

- Ông Lê Văn B được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến

hành làm thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông B được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện G;
- Cc.THA dân sự huyện G;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Nguyệt Hồng